SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẮK LẮK
TRƯỜNG THPT NGÔ GIA TỰ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ KIỂM TRA LẠI NĂM HỌC 2019-2020

STT	Họ và tên	LỚP	ĐTB	HL	HK	ĐIỂM THI LẠI													TỔNG HỢP THI LẠI			Ghi chú
						Toán	Lý	Hóa	Sinh	Tin	Văn	Sử	Địa	Anh	GDCD	CN	GDQP	Thể dục	ĐTB	Học lực	Kết luận	
1	Trần Văn Hậu	10C01	5,5	Y	K	1,1					4,4			3,0					5.2	Kém	Ở lại lớp	
2	H Phôn Krông	10C01	5,4	Y	K	1,0		2,0						2,0					5.1	Kém	Ở lại lớp	
3	Nông Văn Lưu	10C01	6,1	Y	K									2,5					6.1	Yếu	Ở lại lớp	
4	H Luôs Mlô	10C01	6,0	Y	K	1,8		2,5											5.9	Kém	Ở lại lớp	
5	H Ling Mlô	10C01	6,3	Y	T	1,5													6.1	Kém	Ở lại lớp	
6	H Niê Ra Niê	10C01	5,3	Y	K	2,4		1,5						1,5					5.1	Kém	Ở lại lớp	
7	Nguyễn Thành Phương	10C01	5,8	Y	T			2,5											5.7	Yếu	Ở lại lớp	
8	Trần Minh Tiến	10C01	4,8	Y	K	1,0		2,1						1,0					4.6	Kém	Ở lại lớp	
9	Nguyễn Tài Tiệp	10C01	6,0	Y	K									2,5					6.0	Yếu	Ở lại lớp	
10	**Đặng Thị Ngọc Ánh**	**10C02**	**6,1**	**Y**	**T**	**3,9**													**6.2**	**Tb**	**Lên lớp**	
11	Nguyễn Quang Hải	10C02	5,7	Y	K									1,5					5.6	Kém	Ở lại lớp	
12	Trần Thị Thu Hảo	10C02	5,8	Y	T	2,1													5.7	Yếu	Ở lại lớp	
13	Nguyễn Văn Minh_A	10C02	5,6	Y	Tb	3,6					3,0								5.5	Yếu	Ở lại lớp	
14	Hoàng Thị Ánh Ngà	10C02	6,3	Y	T	3,3													6.3	Yếu	Ở lại lớp	
15	Nguyễn Văn Quý	10C02	6,3	Y	T	2,9													6.3	Yếu	Ở lại lớp	
16	Nguyễn Bá Tùng	10C02	5,6	Y	K	1,7													5.5	Kém	Ở lại lớp	
17	**Lê Na Byă**	**10C03**	**5,8**	**Y**	**K**		**3,5**												**5.8**	**Tb**	**Lên lớp**	
18	**Hoàng Quốc Đạt**	**10C03**	**5,2**	**Y**	**K**			**5,0**			**5,0**								**5.4**	**Tb**	**Lên lớp**	
19	Trần Thị Hiền	10C03	5,2	Y	Tb	3,8		3,4			3,9		3,4								Ở lại lớp	bỏ
20	H Havi Mlô	10C03	5,2	Y	K	1,4	4,0												5.1	Kém	Ở lại lớp	
21	H Lam Mlô	10C03	5,3	Y	K	2,4	4,0				4,6								5.2	Yếu	Ở lại lớp	
22	Trần Thị Bích Ngọc	10C03	5,5	Y	Tb			1,5											5.3	Kém	Ở lại lớp	
23	Lê Thị Nhung	10C03	6,2	Y	K			2,0											6.2	Yếu	Ở lại lớp	
24	**H Mer Niê**	**10C03**	**5,5**	**Y**	**Tb**		**4,0**												**5.6**	**Tb**	**Lên lớp**	
25	Phạm Phú Vi	10C03	5,4	Y	K		0,5	2,5											5.1	Kém	Ở lại lớp	
26	Phạm Xuân Hiệp	10C04	5,0	Y	K	1,1					4,7			2,0					4.8	Kém	Ở lại lớp	
27	H Rê Bê Ka Ksơr	10C04	5,4	Y	K	1,5		2,0											5.2	Kém	Ở lại lớp	
28	H Mlai Mlô	10C04	6,3	Y	K	2,1													6.2	Yếu	Ở lại lớp	
29	Nguyễn Thị Trà My	10C04	5,7	Y	K	1,5		4,0											5.6	Kém	Ở lại lớp	
30	H Ja Lim Niê	10C04	5,8	Y	K	1,1		2,5											5.7	Kém	Ở lại lớp	
31	H Mi Lăk Niê	10C04	6,2	Y	K	1,7													6.1	Kém	Ở lại lớp	
32	**Đào Quang Phúc**	**10C04**	**5,9**	**Y**	**K**	**5,0**													**6.1**	**Tb**	**Lên lớp**	
33	Vũ Thị Mỹ Phương	10C04	5,7	Y	K			2,5											5.6	Yếu	Ở lại lớp	
34	**Huỳnh Ngọc Tú**	**10C04**	**6,0**	**Y**	**K**	**3,6**													**6.1**	**Tb**	**Lên lớp**	
35	H Bĭk Ka Niê	10C05	5,0	Y	K			1,0											4.8	Kém	Ở lại lớp	

STT	Họ và tên	LỚP	ĐTB	HL	HK	ĐIỂM THI LẠI													TỔNG HỢP THI LẠI			Ghi chú
						Toán	Lý	Hóa	Sinh	Tin	Văn	Sử	Địa	Anh	GDCD	CN	GDQP	Thể dục	ĐTB	Học lực	Kết luận	
36	Hà Xuân Đạt	10C05	5,0	Y	K		3,2												5.0	Yếu	Ở lại lớp	
37	**Vũ Nhất Huy**	**10C05**	**5,6**	**Y**	**Tb**		**3,5**												**5.6**	**Tb**	**Lên lớp**	
38	H Nghĩa Krông	10C05	5,1	Y	K	0,8		2,5											4.8	Kém	Ở lại lớp	
39	Phạm Quang Sang	10C05	5,4	Y	K			2,5											5.4	Yếu	Ở lại lớp	
40	H Úc Niê	10C06	5,3	Y	K	3,5	3,5				4,0			1,0					5.1	Kém	Ở lại lớp	
41	Y Kina Niê	10C06	5,3	Y	K			2,0											5.2	Yếu	Ở lại lớp	
42	**Nguyễn Quốc Phong**	**10C06**	**5,8**	**Y**	**K**	**4,6**					**5,0**								**5.9**	**Tb**	**Lên lớp**	
43	Hoàng Thái Bảo	10C09	4,6	Y	K	1,0					0,5			1,0					4.1	Kém	Ở lại lớp	
44	H Uyên Bkrông	10C09	5,0	Y	K	1,5													5.0	Kém	Ở lại lớp	
45	Y Huy Byă	10C09	4,7	Y	K	0,6		1,5			3,9								4.5	Kém	Ở lại lớp	
46	Nguyễn Đình Duy	10C09	4,7	Y	K	0,8													4.5	Kém	Ở lại lớp	
47	Trương Công Hoàng	10C09	4,8	Y	K	1,6		1,5											4.6	Kém	Ở lại lớp	
48	Bùi Văn Mạnh	10C09	5,5	Y	K	1,5													5.3	Kém	Ở lại lớp	
49	Nguyễn Xuân Sáng	10C09	5,6	Y	K	1,2													5.4	Kém	Ở lại lớp	
50	Dương Văn Thạch	10C09	5,7	Y	K	2,5													5.7	Yếu	Ở lại lớp	
51	Nguyễn Minh Trường	10C09	5,0	Y	K	1,0					4,5			1,5					4.8	Kém	Ở lại lớp	
52	Bùi Ngọc Vũ	10C09	5,2	Y	K	1,0													5.1	Kém	Ở lại lớp	
53	Võ Quang Vũ	10C09	5,7	Y	T	2,5													5.7	Yếu	Ở lại lớp	
54	Đặng Phi Hùng	10C10	4,8	Y	K			1,0						1,0					4.5	Kém	Ở lại lớp	
55	Nguyễn Quang Kha	10C10	5,1	Y	K			1,5											5.0	Kém	Ở lại lớp	
56	Vương Quốc Khánh	10C10	5,6	Y	K			2,5											5.6	Yếu	Ở lại lớp	
57	Đào Quang Minh	10C10	5,0	Y	Tb			2,0						0,5					4.8	Kém	Ở lại lớp	
58	Trương Thị Bảo Ngọc	10C10	5,1	Y	K			1,5						1,5					4.9	Kém	Ở lại lớp	
59	Trần Ngọc Bảo Trung	10C10	4,7	Y	K	3,2	2,5	3,5			3,0								4.6	Yếu	Ở lại lớp	
60	Nguyễn Quang Trường	10C10	5,3	Y	Tb			3,0						1,5					5.2	Kém	Ở lại lớp	
61	Lê Nguyễn Thanh Tùng	10C10	4,9	Y	K	1,9		3,0						2,5					4.7	Kém	Ở lại lớp	
62	H Choi Mlô	10C11	5,8	Y	K	1,0													5.6	Kém	Ở lại lớp	
63	Nguyễn Đình Giáp	10C11	5,5	Y	K	2,1													5.5	Yếu	Ở lại lớp	
64	Lý Thị Thu Hà	10C11	5,4	Y	K	1,1													5.3	Kém	Ở lại lớp	
65	Đinh Quốc Lâm	10C11	5,7	Y	K	2,0													5.6	Yếu	Ở lại lớp	
66	H Quyên Niê	10C11	5,7	Y	K	1,0													5.5	Kém	Ở lại lớp	
67	Y Tuyên Mlô	10C11	4,9	Y	K	2,6		1,5			3,5								4.7	Kém	Ở lại lớp	
68	Nguyễn Chí Tuyên	10C11	5,7	Y	K	0,7													5.5	Kém	Ở lại lớp	
69	**Lê Đình Minh Phương**	**10C12**	**5,3**	**Y**	**K**													**Đ**	**5.3**	**Tb**	**Lên lớp**	
70	Nguyễn Sơn Tây	10C12	4,9	Y	K						4,5			2,5				CĐ			Ở lại lớp	bỏ
71	Lý Văn Việt	10C12	5,2	Y	K									2,0					5.2	Yếu	Ở lại lớp	
72	Phạm Văn Quý	10C13	5,1	Y	Tb	3,4					4,6										Ở lại lớp	bỏ
73	Hà Hoàng Việt	10C13	5,5	Y	K									2,0					5.3	Yếu	Ở lại lớp	
74	Lê Thị Vân Anh	10C14	5,8	Y	K									3,2							Ở lại lớp	bỏ
75	**Phạm Việt Anh**	**10C14**	**6,8**	**Y**	**K**													**Đ**	**6.8**	**Tb**	**Lên lớp**	
76	Phạm Thanh Bách	10C14	4,4	Y	Tb	1,0		1,5	4,0		1,5			2,5				Đ	4.2	Kém	Ở lại lớp	

STT	Họ và tên	LỚP	ĐTB	HL	HK	ĐIỂM THI LẠI												TỔNG HỢP THI LẠI			Ghi chú
						Toán	Lý	Hóa	Sinh	Tin	Văn	Sử	Địa	Anh	GDCD	CN	GDQP	Thể dục	ĐTB	Học lực	Kết luận	
77	Hà Đức Hoàng	10C14	5,3	Y	K	4,8					4,5			2,0					5.3	Yếu	Ở lại lớp	
78	Hứa Thị Hiếu Kiên	10C14	5,3	Y	K	1,5					4,6								5.2	Kém	Ở lại lớp	
79	Tống Văn Lộc	10C14	5,1	Y	Tb	0,8					2,0			1,0					4.5	Kém	Ở lại lớp	
80	**Nguyễn Hoài Nam**	**10C14**	**6,1**	**Y**	**K**	**4,2**					**6,0**								**6.2**	**Tb**	**Lên lớp**	
81	Hà Văn Nhựt	10C14	5,1	Y	K	4,5		1,0			3,0			2,0					4.8	Kém	Ở lại lớp	
82	Y Wôl Niê	10C14	4,8	Y	K	1,9					3,7			3,0					4.7	Kém	Ở lại lớp	
83	Nguyễn Văn Phong	10C14	5,2	Y	K	1,3		2,0											5.0	Kém	Ở lại lớp	
84	**Nguyễn Ngọc Phúc**	**10C14**	**5,2**	**Y**	**K**		**4,0**												**5.3**	**Tb**	**Lên lớp**	
85	Nguyễn Thị Kiều Trinh	10C14	5,5	Y	K			3,5						1,0					5.3	Kém	Ở lại lớp	
86	Nguyễn Thanh Tuấn	10C14	5,1	Y	K	1,3		2,0			3,5								4.8	Kém	Ở lại lớp	
87	Hoàng Quốc Việt	10C14	5,6	Y	Tb	1,8					5,0			2,0					5.4	Kém	Ở lại lớp	
88	Nguyễn Đức Hiếu	11B01	4,8	Y	K			2,0											4.8	Yếu	Ở lại lớp	
89	H Luyên Niê	11B01	5,4	Y	K			1,5											5.3	Kém	Ở lại lớp	
90	H Nhoen Krông	11B01	5,3	Y	K			1,5											5.2	Kém	Ở lại lớp	
91	H Ni Ka Mlô	11B01	5,1	Y	K			1,5											5.0	Kém	Ở lại lớp	
92	Nguyễn Minh Quang	11B01	5,2	Y	K			2,0											5.2	Yếu	Ở lại lớp	
93	H' Dina Niê	11B02	5,3	Y	K			1,5											5.2	Kém	Ở lại lớp	
94	Nguyễn Trường Giang	11B02	5,2	Y	K	3,9					4,0								5.2	Yếu	Ở lại lớp	
95	H Hân Niê	11B02	5,2	Y	K			1,5											5.2	Kém	Ở lại lớp	
96	H Suông Niê	11B02	5,2	Y	K			1,5											5.2	Kém	Ở lại lớp	
97	**Trần Thị Thảo**	**11B02**	**4,9**	**Y**	**K**				**6,5**										**5.0**	**Tb**	**Lên lớp**	
98	Mai Viết Anh	11B03	4,6	Y	K	1,0		1,5			4,4								4.4	Kém	Ở lại lớp	
99	Vi Lê Hóa	11B03	5,2	Y	K	1,4		1,5											5.1	Kém	Ở lại lớp	
100	Trần Văn Kiệt	11B03	5,5	Y	K			1,0											5.4	Kém	Ở lại lớp	
101	H Rin Bkrông	11B03	5,6	Y	K	1,2													5.4	Kém	Ở lại lớp	
102	Phạm Thanh Tùng	11B03	5,5	Y	K	1,2					5,5								5.4	Kém	Ở lại lớp	
103	H Buyên B'Krông	11B04	5,2	Y	K	1,0		1,5											5.0	Kém	Ở lại lớp	
104	Nguyễn Xuân Chiến	11B04	4,6	Y	Tb	0,8		1,5						1,5					4.2	Kém	Ở lại lớp	
105	Vũ Thị Hà	11B04	5,3	Y	K									2,0					5.3	Yếu	Ở lại lớp	
106	Phạm Thành Nam	11B04	5,5	Y	Tb												2,0		5.5	Yếu	Ở lại lớp	
107	Trần Đăng Nhớ	11B04	5,3	Y	K			4,0						1,0					5.2	Kém	Ở lại lớp	
108	**Cao Duy Phú**	**11B04**	**5,2**	**Y**	**Tb**						**5,0**								**5.3**	**Tb**	**Lên lớp**	
109	Nguyễn Văn Quyết	11B04	5,6	Y	K	2,8													5.6	Yếu	Ở lại lớp	
110	Huỳnh Thị Như Quỳnh	11B04	5,4	Y	K									1,3					5.3	Kém	Ở lại lớp	
111	Phan Văn Thiêm	11B04	5	Y	K	3,5		4,0						1,0					4.9	Kém	Ở lại lớp	
112	Y Nam Ksơr	11B05	4	Y	Tb	0,6	1,0	1,5			3,5			1,3					3.6	Kém	Ở lại lớp	
113	Nguyễn Văn Sơn	11B05	5,1	Y	K									1,0			3,0		4.9	Kém	Ở lại lớp	
114	Lê Danh Ý	11B05	4,9	Y	K	3,9					3,0			2,0					4.8	Yếu	Ở lại lớp	
115	Long Văn Chiến	11B06	4,7	Y	K	0,8		1,5			4,7								4.5	Kém	Ở lại lớp	
116	Trần Thị Nhung	11B06	5,4	Y	K	2,2		2,5											5.4	Yếu	Ở lại lớp	
117	H' Đăm Niê	11B06	5,1	Y	K	1,6		1,5											4.8	Kém	Ở lại lớp	

STT	Họ và tên	LỚP	ĐTB	HL	HK	ĐIỂM THI LẠI												TỔNG HỢP THI LẠI			Ghi chú
						Toán	Lý	Hóa	Sinh	Tin	Văn	Sử	Địa	Anh	GDCD	CN	GDQP	Thể dục	ĐTB	Học lực	Kết luận	
118	Nguyễn Anh Quân	11B06	5,5	Y	Tb			1,5						1,3					5.2	Kém	Ở lại lớp	
119	Võ Tá Sơn Trường	11B06	5,2	Y	K	3,2		2,8													Ở lại lớp	bỏ
120	Lê Mạnh Tuấn	11B06	5,4	Y	K	0,8													5.3	Kém	Ở lại lớp	
121	Lê Thị Hạnh	11B07	5,7	Y	Tb		1,0	2,0											5.5	Kém	Ở lại lớp	
122	Đào Xuân Hùng	11B07	4,9	Y	Tb			1,0											4.8	Kém	Ở lại lớp	
123	H Sun Ra Mlô	11B07	5,2	Y	K	4,3		1,0			5,0								5.0	Kém	Ở lại lớp	
124	H Mi Riam Niê	11B07	5,6	Y	K			1,0											5.4	Kém	Ở lại lớp	
125	H Nuin Niê	11B07	4,7	Y	K	3,7		1,0			4,3								4.6	Kém	Ở lại lớp	
126	Đỗ Hoàng Phong	11B07	5,3	Y	T			3,0											5.3	Yếu	Ở lại lớp	
127	Nguyễn Tùng Phong	11B07	4,7	Y	Tb	1,0	1,0	0,0			4,0								4.2	Kém	Ở lại lớp	
128	Trịnh Văn Sang	11B07	4,8	Y	Tb	4,7	1,0	1,0			2,0								4.2	Kém	Ở lại lớp	
129	Phan Ngọc Thuận	11B07	5,2	Y	K	1,2		0,5											4.8	Kém	Ở lại lớp	
130	Lê Thị Thùy	11B07	5,8	Y	K			1,0											5.6	Kém	Ở lại lớp	
131	Đặng Xuân Thương	11B07	5,6	Y	T			3,0											5.6	Yếu	Ở lại lớp	
132	Y Sa Drak Niê	11B12	4,6	Y	K	1,2		1,0			4,0								4.2	Kém	Ở lại lớp	
133	**Lê Thị Quỳnh Anh**	**11B12**	**5,7**	**Y**	**K**			**7,0**											**6.0**	**Tb**	**Lên lớp**	
134	Đỗ Văn Bắc	11B12	5,8	Y	K									2,5					5.8	Yếu	Ở lại lớp	
135	**Lều Hữu Đạt**	**11B12**	**5,5**	**Y**	**K**						**6,0**								**5.6**	**Tb**	**Lên lớp**	
136	**La Hoàng Hiệp**	**11B12**	**5,8**	**Y**	**K**						**5,0**								**5.8**	**Tb**	**Lên lớp**	
137	Vũ Văn Nam	11B12	5,6	Y	K			0,5											5.4	Kém	Ở lại lớp	
138	Trần Hữu Nghĩa	11B12	5,6	Y	K									1,2					5.4	Kém	Ở lại lớp	
139	Vũ Đình Tuấn	11B12	5,5	Y	K									3,0					5.4	Yếu	Ở lại lớp	
140	Phạm Huyền Trang Niê	11B13	5,4	Y	K			0,5						1,5					5.1	Kém	Ở lại lớp	
141	Phùng Thị Thảo Quyên	11B13	6,1	Y	K			1,5											6.0	Kém	Ở lại lớp	
142	**Đoàn Thị Ánh**	**11B14**	**5,9**	**Y**	**K**									**5,0**					**6.1**	**Tb**	**Lên lớp**	
143	Bùi Thị Mỹ Chi	11B14	4,9	Y	K									2,0					4.8	Yếu	Ở lại lớp	
144	Phạm Văn Hiệp	11B14	4,5	Y	K	0,8					3,5			1,3					4.1	Kém	Ở lại lớp	
145	Hoàng Ngọc Hoàn	11B14	5,6	Y	T									2,0					5.5	Yếu	Ở lại lớp	
146	Huỳnh Lê Quốc Hùng	11B14	5,5	Y	T									2,0					5.4	Yếu	Ở lại lớp	
147	Nguyễn Đình Phương	11B14	5,5	Y	T			2,0						1,0					5.3	Kém	Ở lại lớp	
148	Nguyễn Huy Quý	11B14	5,3	Y	T									2,0					5.2	Yếu	Ở lại lớp	
149	Trần Cao Tài	11B14	4,9	Y	K									2,0					4.8	Yếu	Ở lại lớp	
150	Hoàng Xuân Thụ	11B14	5,5	Y	T									3,0					5.5	Yếu	Ở lại lớp	

Thống kê	Thi lại	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Tin	Văn	Sử	Địa	Anh	GDCD	CN	GDQP	Thể dục	Lên lớp	% lên lớp	Ở lại lớp	% ở lại lớp
Lớp 10	87	57	10	34	1	0	24	0	1	27	0	0	0	4	12	13,79	75	86,21
Lớp 11	63	23	4	38	1	0	15	0	0	22	0	0	2	0	6	9,52	57	90,48
Tổng	150	80	14	72	2	0	39	0	1	49	0	0	2	4	18	12	132	88

Ea Kar, ngày 22 tháng 8 năm 2020

STT	Họ và tên	LỚP	ĐTB	HL	HK	ĐIỂM THI LẠI												TỔNG HỢP THI LẠI			Ghi chú
						Toán	Lý	Hóa	Sinh	Tin	Văn	Sử	Địa	Anh	GDCD	CN	GDQP	Thể dục	ĐTB	Học lực	Kết luận	

Người tổng hợp

Nguyễn Đức Khanh

KT. HIỆU TRƯỞNG
P.HIỆU TRƯỞNG
(đã ký)
Nguyễn Tiến Dũng